

Bản án số: 71/2022/HN&GD-ST

Ngày 15/4/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thăng Long
2. Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị N, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Thôn v, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Chu Văn Th, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Thôn v, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022, bản tự khai ngày 15/02/2022 của nguyên đơn Chị Đào Thị N thể hiện như sau:

Chị Đào Thị N và anh Chu Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và được UBND xã Th cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Th

rượu chè, đánh đập vợ con. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh Th có 02 con chung là cháu: Chu Văn Ngọc Khsinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017. Ly hôn nguyện vọng của chị N là muốn được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là mỗi cháu 2.000.000đ/tháng, cả hai cháu là 4.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 nhà và đất ở tại thôn Ph, xã Ph, huyện H trị giá 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phân tài sản chung.

Theo Biên bản ghi lại lời khai ngày 15/02/2022 của bị đơn anh Chu Văn Th thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Chu Văn Th và Chị Đào Thị N kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Th cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, chị N đã có nhiều lần làm đơn ly hôn và lần này chị N tiếp tục làm đơn ly hôn thì anh Th cũng đồng ý ly hôn vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017. Ly hôn anh Th đồng ý để cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, cả hai cháu là 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về nhà và đất ở tại thôn Ph, xã Ph, huyện H. Anh Th yêu cầu chị N trả 150.000.000đ cho anh thì anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con hàng tháng là 4.000.000đ nhưng nếu chị N rút yêu cầu Tòa án giải quyết về nhà và đất thì anh không yêu cầu chị N phải trả số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Chu Văn Ngọc Kh nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ.

* Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Th tại nơi ở thôn Thôn v, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Chị Đào Thị N và anh Chu Văn Th có Đăng ký kết hôn tại UBND xã Th số 13, quyển sổ số 01 ngày 01/02/2009.

Về con chung: Chị N và anh Th có 02 con chung là cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh Th thì chính quyền địa phương cũng không nắm rõ vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử.

*** Quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị HĐXX: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho Chị Đào Thị N được ly hôn anh Chu Văn Th; Về con chung: Đề nghị HĐXX công giao cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Th có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX buộc anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu, cả hai cháu là 4.000.000đ. Về tài sản: Đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại thôn Ph, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ và trả lại tiền tạm ứng án phí về tài sản cho chị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện và các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị N có đơn từ chối hòa giải; Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Chu Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy về hôn nhân giữa chị N và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N, anh Th sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn mặc dù hai bên không thống nhất về nguyên nhân thực tế dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th, anh Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Vì vậy hôn nhân của chị N và anh Th đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Th là phù hợp với quy định của pháp luật và tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017. Ly hôn chị N có nguyện vọng là muốn được nuôi cả hai cháu, anh Th đồng ý để cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Kh có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Bảo Anh còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên giao cả hai cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, cả hai cháu là 4.000.000đ/tháng. Anh Th chấp nhận đề nghị của chị N về mức cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi cháu là 2.000.000đ trên tháng, cả hai cháu là 4.000.000đ trên tháng. Xét thấy việc chấp nhận đề nghị trên của anh Th là tự nguyện phù hợp với thu nhập thực của anh Th và mức sống tại địa phương của các cháu nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản: Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 chị N đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất ở tại thôn Ph, xã Ph, anh Th đề nghị nếu chị N yêu cầu Tòa án chia tài sản là nhà và đất thì anh yêu cầu chị Th trả lại cho anh số tiền 150.000.000đ nhưng nếu chị N rút yêu cầu chia tài sản là nhà và đất thì anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 18/02/2022 chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản đề nghị Tòa án giải quyết là nhà và đất nên cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện về tài sản của chị N.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị N phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Th phải chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền nộp tạm ứng về án phí tài sản cho Chị Đào Thị N.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Chị Đào Thị N được ly hôn anh Chu Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng chị N, anh Th có 02 con chung là cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017.

Giao 02 cháu Chu Văn Ngọc Kh sinh ngày 21/10/2014 và cháu Chu Đào Bảo A, sinh ngày 30/10/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, cả hai cháu là 4.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất ở tại thôn Ph, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0011128 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (Chị N đã nộp đủ). Anh Th phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Trả lại cho Chị Đào Thị N số tiền 6.250.000đ tiền tạm ứng án phí về tài sản theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0011128 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- Các đương sự
- UBND xã Th
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa